

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 05 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân &
Gia đình*”.

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng - ông Ngô Đình Tư

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Trung - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An: ông Lê Đại - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Đình T, sinh năm 1977

Địa chỉ: xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An (*có mặt*)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An.

Hiện cư trú tại Mỹ (*vắng mặt*)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Viết S, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1960.

Đều trú tại: xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An (*Đều đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Đình T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2005 tại UBND xã D (nay là xã D), tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới về vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, chị N đã nhiều lần làm đơn ly hôn với anh nhưng chưa giải quyết được, năm 2024 chị N đi nước ngoài do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng lại càng phai nhạt, do đó anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

-Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 03 con chung là Võ Thị Hải Y, sinh ngày 04/6/2007; Võ Đình N1, sinh ngày 21/8/2009 và Võ Thị Ngọc A,

sinh ngày 06/10/2011. Hiện nay cháu đầu Võ Thị Hải Y đã đủ 18 tuổi trưởng thành, không bị mất hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên anh không yêu cầu giải quyết. Còn cháu N1 đang học cấp 3 và cháu Ngọc A đang học cấp 2, hiện các cháu đang ở với ông bà ngoại nhưng anh vẫn có trách nhiệm cùng với ông bà ngoại lo lắng cho các con. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu N1 và cháu Ngọc A không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Nếu các cháu có nguyện vọng ở với chị N và ông bà ngoại thì anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/02con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

-Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+/*Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu chị Nguyễn Thị N có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án đồng thời niêm yết công khai các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị N theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại chị N vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của ông Nguyễn Viết S và bà Nguyễn Thị B1 (bố mẹ đẻ của chị N) thì chị N thường xuyên điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ hiện tại của chị N cụ thể ở đâu và chị N đã biết việc anh T làm đơn ly hôn chị tại Tòa án. Đến ngày xét xử vụ án chị N cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết S, bà Hoàng Thị B có đơn đề nghị vắng mặt, thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố biên bản lấy lời khai của ông S và bà B như sau:

Chị N là con gái ruột của ông bà, anh T là con rể, việc vợ chồng kết hôn là tự nguyện được 2 bên gia đình cưới hỏi đàng hoàng, trước khi cưới ông bà được biết anh T đã có một đời vợ và có 1 con riêng đã ly hôn nên khi chị N tìm hiểu ông bà đã không đồng ý nhưng chị N vẫn tha thiết yêu và đòi cưới nên ông bà đành phải đồng ý. Hiện nay anh T và chị N có 3 con chung là Võ Thị Hải Y, sinh ngày 04/6/2007; Võ Đình N1, sinh ngày 21/8/2009 và Võ Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2011. Cháu Y1 là con đầu đủ 18 tuổi trưởng thành và đã đi du học, còn cháu N1 và cháu Ngọc A đang ở với ông bà, hằng ngày mẹ các cháu là chị N vẫn gọi điện về cho ông bà để hỏi thăm các cháu và gửi tiền sinh hoạt cho các cháu ăn học. Theo ông bà thì trong cuộc sống hàng ngày ông bà luôn thương con thương cháu hết mực, thu vén cho vợ chồng để vợ chồng đi làm ăn kinh tế ông bà không mong muốn vợ chồng con cái xảy ra mâu thuẫn, ly tán nhưng nay anh T làm đơn tại Tòa yêu cầu giải quyết ly hôn với con gái của ông bà, ông bà không có ý kiến gì vì đây là việc của vợ chồng ông bà không can thiệp. Ông bà chỉ có nguyện vọng được nuôi các cháu và tôn trọng nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai là quyền các cháu mặt khác nếu theo quy định của pháp luật ông bà không được nuôi các cháu thì ông bà cũng chấp hành đồng ý để cho anh T nuôi các cháu. Còn các cháu có nguyện vọng ở với chị N thì ông bà xin tự nguyện thay chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu trong thời gian chị N ở nước ngoài. Ông bà không yêu cầu anh T, chị N trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Về tài sản ông bà không liên quan, ông bà không có yêu cầu độc lập gì. Ngoài ra ông bà không trình bày gì thêm và cam kết chịu trước pháp luật

về việc đã thông báo cho con gái về các văn bản tố tụng của Tòa tổng đạt đối với việc giải quyết ly hôn giữa anh T và chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; anh T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị N hiện đang cư trú tại nước Mỹ, trước khi xuất cảnh chị N có địa chỉ cư trú tại xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An theo Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số: 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo ông Nguyễn Viết S, bà Nguyễn Thị B1 (bố mẹ đẻ của chị N) cung cấp thông tin hiện nay chị N đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị N thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình; chị N đã biết được việc anh T xin ly hôn và không có ý kiến gì. Việc chị N vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho anh Võ Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Hiện nay trong số 03 con chung của anh T, chị N thì có cháu Võ Thị Hải Y, sinh ngày 04/6/2007 đã đủ 18 tuổi trưởng thành; còn 02 cháu Võ Đình N1, sinh ngày 21/8/2009 và Võ Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2011 đang còn đi học cấp 2 và cấp 3, hiện các cháu đang được chị N bố mẹ đẻ ông S, bà B1 chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị Nguyễn Thị N đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể rõ ràng, 02 cháu Võ Đình N1 và Võ Thị Ngọc A có nguyện vọng được ở với mẹ nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành; anh T có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định. Ông Nguyễn Viết S, bà Nguyễn Thị B1 nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Võ Đình N1 và Võ Thị Ngọc A trong thời gian chị Nguyễn Thị N ở nước ngoài. Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đ/02 con đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của anh T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh T trình bày chị N hiện đang cư trú tại nước Mỹ nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của chị N là ông Nguyễn Viết S và bà Nguyễn Thị B1 (bố mẹ đẻ của chị N) cung cấp thông tin hiện nay chị N đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị N thường xuyên gọi điện cho gia đình. Ngày 29 tháng 8 năm 2025, Phòng Q Công an tỉnh N đã có công văn trả lời số: 3568/PA08 - Đ1 hiện chị N đã sử dụng hộ chiếu P01952385 để xuất cảnh vào ngày 05 tháng 5 năm 2024 qua cửa khẩu N3 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do chị N trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Viết S, bà Nguyễn Thị B1 (bố mẹ đẻ của chị N) cung cấp hiện nay chị N đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nhưng không biết địa chỉ cụ thể; chị N vẫn gọi điện thoại về cho gia đình và đã biết được anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng chị N không có ý kiến gì. Như vậy, chị N đã biết được anh T yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đình T và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào 11/6/2005 tại UBND xã D (nay là xã D), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa anh T và chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo quy định của định pháp luật. Do đó hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp.

-Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống thiếu tin tưởng và không quan tâm đến nhau. Hiện tại, anh T, chị N đã sống ly thân. Sau khi thụ lý, Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ cho chị N nhưng chị N vắng mặt không có lý do, sau đó Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố mẹ chị N là ông S và B1 là bố mẹ đẻ; ông bà cam kết thông báo lại cho chị N, chị N đã biết anh T xin ly hôn tại Tòa án tuy nhiên trong quá trình giải quyết chị N vẫn vắng mặt và không có văn bản ý kiến gì gửi về cho Tòa án điều đó chứng tỏ chị N không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn cho anh Võ Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 03 con chung, hiện nay trong số 03 con chung của anh chị thì có cháu Võ Thị Hải Y, sinh ngày 04/6/2007 đã đủ 18 tuổi trưởng thành; còn 02 cháu Võ Đình N1, sinh ngày 21/8/2009 đang học cấp 3

(lớp 10) và Võ Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2011 đang còn học cấp 2 (lớp 9). Từ khi vợ chồng sống ly thân và chị N đi nước ngoài thì cháu N1 và cháu Ngọc A được chị N nhờ bố mẹ đẻ là ông S, bà B1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Do 02 cháu N1 và Ngọc A có đơn nguyện vọng được ở với mẹ nên cần tiếp tục giao 02 cháu cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành; anh T có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định. Ông Nguyễn Viết S, bà Nguyễn Thị B1 nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Võ Đình N1 và Võ Thị Ngọc A trong thời gian chị Nguyễn Thị N ở nước ngoài.

*Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N mỗi tháng là 3.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh Võ Đình T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm avf án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 122; Điều 123; Điều 127 và Điều 129 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào các Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 273, Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 1 luật số 81/2025/QH15 ngày 24/06/2025 và Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

-Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Đình T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đình T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.
2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là cháu Võ Đình N1, sinh ngày 21/8/2009 và Võ Thị Ngọc A, sinh ngày 06/10/2011 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Võ Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị Nguyễn Thị N mỗi tháng 3.000.000 đ (*Ba triệu đồng*)/02 con kể từ ngày 08/12/2025 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Võ Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Đình T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Nguyễn Đình T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha mẹ hoặc tổ chức cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Đình T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ

chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc anh Võ Đình T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000459 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định.

5. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Võ Đình T có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết S, bà Nguyễn Thị B1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nhung

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Văn Dũng Cao Đức G

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị N2

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nhung